

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Xuân Dệt**.

2. Bà **Lê Thị Thanh Cường**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Lệ Quyên** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân T phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa :* Bà **Trần Thị Thắng Trinh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 860/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần T. Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 36/92 đường H, tổ 6, phường N, T phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Dương T. Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 36/92 đường H, tổ 6, phường N, T phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Dương T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/12/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Đến nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi không thể xây dựng một gia đình hạnh phúc. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương T.

- Về con chung: Tôi và anh Dương T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Dương T. Tuy nhiên, anh Dương T không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

Tại phiên toà chị Trần T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị T và anh T được ly hôn. Về con chung: chị T và anh T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trần T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Dương T có địa chỉ tại 36/92 đường H, tổ 6, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần T và anh Dương T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Trần T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Đến nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi không thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh T là có thật nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được.

Đối với anh Dương T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để anh tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không; tại phiên toà chị Trần T khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh T, nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh T là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Trần T và anh Dương T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10 Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần T. Chị Trần T được ly hôn với anh Dương T.

2. Về con chung: chị Trần T và anh Dương T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002217 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Dương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân T phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự T phố P;
- UNND phường N, thành phố P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà

